TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 56/2019/DS-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thanh Tú**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trịnh Tiến Nam**

2. Bà Lê Thị Tân

- Thư ký phiên toà: **Bà Định Thị Thủy** – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* **Bà Hoàng Thị Hoài Phương**– Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28.11.2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 09 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐHPT-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

<u>Nguyên đơn:</u> Ngân hàng V

Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân P, Ông Trần Hoàng H, ông Đào Duy B (Theo giấy ủy quyền số 8465/2019/GUQ-PLTT ngày 07/11/2019).

Có mặt tại phiên tòa.

<u>Bị đơn:</u> Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1981

HKTT và trú tại: Số 12, ngõ 215 đường Đê T, phường C, quận H, H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng V trình bày:

Chị Nguyễn Thị N có ký kết với Ngân hàng V các hợp đồng tín dụng thông tin cụ thể như sau:

- Ngày 20/4/2016, chị Nguyễn Thị N có ký Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (*còn gọi là Hợp đồng tín dụng số: LD 1611601680 ngày 25/4/2016*) với Ngân hàng V- Chi nhánh Lê Hồng Phong số tiền vay là 50.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất 28%/năm; Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

- Ngày 30/09/2016, chị Nguyễn Thị N có ký Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (*Còn gọi là Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016)* với V - Chi nhánh Lê Hồng Phong số tiền vay là 18.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất 30%/năm. Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

- Ngày 15/11/2017, chị Nguyễn Thị N có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (*còn gọi là Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017*) với Ngân hàng V - Chi nhánh Thủ Đô số tiền vay là 20.500.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất 27.5%/năm. Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngay sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân và chị Nguyễn Thị N đã nhận tiền giải ngân tại ngân hàng để sử dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị N đã chậm thanh toán theo các hợp đồng ký kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên các khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/10/2019, chị N đã trả được tổng cộng theo các hợp đồng tín dụng trên là 47.472.072 (*Bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy hai nghìn không trăm bảy hai*) đồng, trong đó: 21.052.445 (*Hai mốt triệu, không trăm, năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn năm*) đồng tiền gốc và 26.419.628 (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười chín nghìn, sáu trăm hai tám)* đồng tiền nợ lãi. Cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng LD 1611601680, tiền gốc là 20.114.915 đồng, nợ lãi là 24.457.125 đồng. Tổng cộng là 44.572.040 đồng.

+ Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977, tiền gốc là 1 đồng. Tổng cộng là 1 đồng.

+ Đối với Hợp đồng LD 1732200144, tiền gốc là 937.529 đồng, nợ lãi là 1.962.503 đồng. Tổng cộng 2.900.032 đồng.

Sau đó, chị N không trả thêm tiền lãi và tiền gốc nào khác mặc dù Ngân hàng V đã nhiều lần nhắc nhở chị N nhưng cũng không nhận được sự hợp tác nào từ phía chị N.

Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 24/10/2019, chị Nguyễn Thị N còn nợ số tiền tổng cộng là 114.923.378 (*Một trăm mười bốn triệu chín trăm hai ba nghìn ba trăm bảy tám*) đồng, cụ thể:

- Theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 20/04/2016 (Hợp đồng LD 1611601680), tổng cộng số tiền là 49.353.389 đồng, bao gồm:

+Nợ gốc: 29.885.085 đồng

+Nợ lãi: 19.468.304 đồng

- Theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30/09/2016 (Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977), tổng cộng số tiền là 26.548.039 đồng**,** bao gồm:

+Nợ gốc: 17.999.999 đồng

+Nợ lãi: 8.548.039 đồng

- Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2017 (Hợp đồng LD 1732200144), tổng cộng số tiền là 39.021.950 đồng, bao gồm:

+Nợ gốc: 19.562.471 đồng

+Nợ lãi: 17.579.057 đồng,

+Phạt chậm trả lãi là 1.880.423 đồng

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai.

Quá trình tiến hành tố tụng trong đơn khởi kiện, người khởi kiện Ngân hàng V có ghi đầy đủ cụ thể, đúng nơi ở hiện tại của người bị kiện là chị Nguyễn Thị N tại số 12, ngõ 215 Đê T, phường C, quận H, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành xác minh, trao đổi với Công an phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Kết quả xác minh, bị đơn chị Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú và hiện nay đang ăn ở thường xuyên tại số 12, ngõ 215 Đê T, phường C, quận H, thành phố H. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã nhiều lần đến tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy báo và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi ở hiện nay của chị Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa ngày 11/11/2019, bị đơn là chị Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do. Phiên tòa tiếp theo được ấn định vào ngày 28/11/2019. Tòa án nhân dân quân Hai Bà Trưng đã tiến hành tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, chị N đã nhận trực tiếp nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa ngày 28/11/2019. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị N, yêu cầu chị N trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2019 tổng số tiền là **117.859.855** (***Một trăm mười bảy triệu, tám trăm năm chín nghìn, tám trăm lăm năm***) đồng cụ thể:

- Theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 20/04/2016 (Hợp đồng LD 1611601680), **tổng cộng số tiền là 50.604.204** (*Năm mươi triệu sáu trăm linh bốn nghìn hai trăm linh bốn*) đồng, bao gồm:

+Nợ gốc: 29.885.085 đồng

+Nợ lãi: 20.719.119 đồng (Lãi trong hạn: 1.495.794 đồng; lãi quá hạn:

19.223.325 đồng)

- Theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30/09/2016 (Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977), tổng cộng số tiền là 27.245.101 đồng (*Hai bảy triệu hai trăm bốn lăm nghìn một trăm linh một*) đồng, bao gồm:

+Nợ gốc: 17.999.999 đồng

+Nợ lãi quá hạn: 9.245.101 đồng

- Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2017 (Hợp đồng LD 1732200144), tổng cộng số tiền là 40.010.550 đồng (*Bốn mươi triệu không trăm mười nghìn năm trăm lăm mươi*) đồng, bao gồm:

+Nợ gốc: 19.562.471 đồng

+Nợ lãi:18.383.563 đồng (Lãi trong hạn: 5.363.272 đồng, lãi quá hạn: 13.020.291 đồng).

+Phạt chậm trả lãi là 2.064.515 đồng

Ngoài ra Ngân hàng V đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các văn bản tín dụng kèm theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi chị N thanh toán hết nợ tại Ngân hàng V.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng chị Nguyễn Thị N vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Việc hai bên xác lập các hợp đồng tín dụng trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy các Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016, Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016, Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017 có hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Căn cứ Điều 122 , khoản 1 Điều 281, Điều 290, Khoản 2 Điều 305, Điều 388 ; Điều 389 ; Điều 390, Điều 391, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ Điều 177, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 ; Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với chị Nguyễn Thị N.

Buộc chị N phải thanh toán cho Ngân hàng V tính đến ngày 28/11/2019:

Tổng số tiền nợ gốc là 67.447.555 đồng (trong đó: nợ gốc theo *Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 là 17.999.999 đồng, nợ gốc theo Hợp đồng LD 1611601680 là 29.885.085 đồng, nợ gốc theo Hợp đồng LD 1732200144 là 19.562.471 đồng).*

- Đối với số tiền nợ lãi:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó mức lãi suất mà Ngân hàng yêu cầu đối với chị N là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Vì vậy, chị N phải trả số tiền nợ lãi trên số nợ gốc của các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016; Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016; Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017, tạm tính đến ngày 28/11/2019 là **48.347.783 đồng**.

Ngoài ra, chị N còn phải tiếp tục trả lãi suất đối với khoản nợ gốc theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày chị N thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng V.

- Đối với số tiền phạt chậm trả lãi:

+ Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016 và Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016. Ngày 24/10/2019, Ngân hàng V có đơn xin rút yêu cầu buộc chị N phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi. Do vậy không xem xét.

+ Đối với Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017: lãi chậm trả được áp dụng 10% đối với số tiền lãi phải trả là không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do vậy, chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền phạt chậm trả lãi là 2.064.515 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng V khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với chị Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú và hiện đang trú tại số 12, ngõ 215 Đê T, phường C, quận H, Tp H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn chị Nguyễn Thị N có địa chỉ rõ ràng trong khi thực hiện hợp đồng, khi vi phạm nghĩa vụ dân sự chị N vẫn ở địa chỉ trên. Qua xác minh tại Công an phường Cầu Dền, xác nhận chị N hiện nay vẫn ăn ở thường xuyên tại địa chỉ số 12, ngõ 215 đường Đê T, phường C, quận H, Tp H. Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo ý kiến của nguyên đơn và triệu tập chị N đến làm việc. Chị a đã nhận được các văn bản trên nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiếp tục tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 11/11/2019, bị đơn là chị Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do. Phiên tòa tiếp theo được ấn định vào ngày 28/11/2019. Tòa án nhân dân quân Hai Bà Trưng đã tiến hành tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, chị N đã được nhận trực tiếp nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị N.

2. Về nội dung:

2.1 Xét tính pháp lý của Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 20/04/2016 (*còn gọi là Hợp đồng*

LD 1611601680 ngày 25/4/2016); Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30/09/2016 (*còn gọi là Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016)*; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2017 (*còn gọi là Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017*) và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (*còn gọi là Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016*) với Ngân hàng V

- Chi nhánh Lê Hồng Phong số tiền vay là 50.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất 28%/năm; Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Nguyễn Thị N đã trả được số tiền cụ thể:

+ Tiền gốc là 20.114.915 đồng, nợ lãi là 24.457.125 đồng. Tổng cộng là 44.572.040 đồng.

Ngày 25/05/2018, chị Nguyễn Thị N đã chậm thanh toán theo hợp đồng ký kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên khoản vay được chuyển sang nợ quá hạn. Lãi trong hạn là : 1.495.794 đồng, Lãi suất quá hạn là: 19.223.325 đồng được tính trên số tiền nợ gốc, áp dụng theo mức lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

- Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng ngân hàng điện tử (*Còn gọi là Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016)* với Ngân hàng V chi nhánh Lê Hồng Phong số tiền vay là 18.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất 30%/năm. Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Nguyễn Thị N đã trả được số tiền cụ thể:

+ Tiền gốc là 1 đồng. Tổng cộng là 1 đồng.

Tính đến ngày 23/06/2018 chị Nguyễn Thị N đã

- Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (*còn gọi là Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017*) với Ngân hàng V chi nhánh Thủ Đô số tiền vay là 20.500.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất 27.5%/năm. Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị Nguyễn Thị N đã trả được tổng cộng theo các hợp đồng tín dụng trên là 47.472.072 (*Bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy hai nghìn không trăm bảy hai*) đồng, trong đó: 21.052.445 (*Hai mốt triệu, không trăm, năm mươi*

hai nghìn bốn trăm bốn năm) đồng tiền gốc và 26.419.628 (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười chín nghìn, sáu trăm hai tám)* đồng tiền nợ lãi. Cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng LD 1611601680, tiền gốc là 20.114.915 đồng, nợ lãi là 24.457.125 đồng. Tổng cộng là 44.572.040 đồng.

+ Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977, tiền gốc là 1 đồng. Tổng cộng là 1 đồng.

+ Đối với Hợp đồng LD 1732200144, tiền gốc là 937.529 đồng, nợ lãi là 1.962.503 đồng. Tổng cộng 2.900.032 đồng.

- Xét việc hai bên xác lập thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 20/04/2016 (*còn gọi là Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016*); Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 30/09/2016 (*còn gọi là Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016)*; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2017 (*còn gọi là Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017*) được các bên ký kết tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hợp đồng trên là hợp pháp,các bên có nghĩa vụ thực hiện. Quá trình sử thực hiện hợp đồng chị Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng nên các khoản nợ đã sang nợ quá hạn. Do vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải thanh toán các khoản tiền chưa thanh toán gồm nợ gốc, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 388, Điều 389; Điều 390, Điều 391, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với chị Nguyễn Thị N. Buộc chị N phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc tính đến ngày 28/11/2019 là: 67.447.555 đồng (trong đó: nợ gốc theo *Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016 là: 17.999.999 đồng, theo Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016 là: 29.885.085 đồng, theo Hợp đồng LD 1732200144 18/11/2017 là: 19.562.471 đồng)*

- Đối với số tiền nợ lãi:

+ Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị N: lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Theo thỏa thuận trong Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị N: lãi suất 28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Theo thỏa thuận trong Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017 giữa Ngân hàng V và chị Nguyễn Thị N: lãi suất 27.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng...*", tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định "*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng*". Do đó mức lãi suất mà Ngân hàng yêu cầu đối với chị N là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Buộc chị N phải trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/11/2019 là: 48.347.783 (*Bốn mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm tám ba*) đồng (Trong đó: Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-69497 ngày 04/10/2016 là: 9.245.101 đồng ; Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016 là: 20.719.119 đồng; Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017 là: 18.383.536 đồng). Kể từ ngày 29/11/2019, chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

- Đối với số tiền phạt chậm trả lãi:

+ Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 ngày 04/10/2016 và Hợp đồng LD 1611601680 ngày 25/4/2016. Ngày 24/10/2019, Ngân hàng V có đơn xin rút yêu cầu buộc chị N phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi đối với hai hợp đồng trên. Do vậy, Tòa án không xem xét.

+ Đối với Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017: lãi chậm trả được áp dụng 10% đối với số tiền lãi phải trả là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do vậy, buộc chị N phải trả cho Ngân hàng V số tiền phạt chậm trả lãi đối với Hợp đồng LD 1732200144 ngày 18/11/2017 là 2.064.515 (*Hai triệu không trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm mười lăm*) đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V được Tòa án chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Ngân hàng V không phải chịu án

phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí 2.202.405 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Hai Bà Trưng theo biên lai số AA/2017/0002740 ngày 29/8/2019. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 122, khoản 1 Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 388, Điều 389, Điều 390, Điều 391, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

- Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về múc thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với chị Nguyễn Thị N về tranh chấp Hợp đồng tín dụng số: 113-P-694977 ngày 04/10/2016; Hợp đồng tín dụng số: LD 1611601680 ngày 25/4/2016); Hợp đồng tín dụng số: LD 1732200144 ngày 18/11/2017.

2. Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/11/2019 là 117.859.855 (*Một trăm mười bảy triệu, tám trăm lăm chín nghìn, tám trăm năm mươi năm*) đồng, Trong đó: nợ gốc là 67.447.555 (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm lăm mươi năm)* đồng (Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 là 17.999.999 đồng, Hợp đồng LD 1611601680 là 29.885.085 đồng, Hợp đồng LD 1732200144 là 19.562.471 đồng)*;* lãi quá hạn là: 48.347.783 (*Bốn mươi tám triệu ba trăm bốn bảy nghìn bảy trăm tám ba)* đồng (Hợp đồng thẻ tín dụng số 113-P-694977 là 9.245.101 đồng, Hợp đồng LD 1611601680 là 20.719.119 đồng, Hợp đồng

LD 1732200144 là 18.383.563 đồng); phạt chậm trả lãi theo Hợp đồng LD 1732200144 là 2.064.515 (*hai triệu, không trăm sáu tư nghìn, năm trăm mười năm*) đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị N tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng V.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.892.992 (*Năm triệu tám trăm chín hai nghìn chín trăm chín mươi hai*) đồng. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 2.202.405 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Hai Bà Trưng theo biên lai số AA/2017/0002740 ngày 29/8/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể tù ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường Cầu Dền theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tú

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**